

# BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC SỰ PHẠM CHO ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRẺ TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM KỸ THUẬT VINH

Phan Cẩm Tú\*

## ABSTRACT

*Strengthening and regularly fostering pedagogical skills for young lecturers at universities in general and at Vinh University of Technical Education in particular is a necessary and urgent activity that needs to be implemented. The article proposes some solutions of implementing the pedagogical skills training for young lecturers in order to enhance the quality of teaching and education and training at Vinh University of Technical Education to meet the current requirements of innovation.*

**Keywords:** *Pedagogical competence, Fostering pedagogical capacity, Young lecturer*

**Received:** 20/02/2022; **Accepted:** 28/02/2022; **Published:** 8/3/2022

### 1. Đặt vấn đề

Trong số các năng lực cấu thành năng lực chung của người GV thì năng lực sự phạm (NLSP) là một thành tố đặc biệt quan trọng góp phần vào sự thành công trong nghề nghiệp của họ, có ý nghĩa quyết định nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường đại học. Vì vậy, việc tăng cường, thường xuyên bồi dưỡng NLSP cho đội ngũ giảng viên trẻ (GVT) ở các trường đại học nói chung, Trường ĐH sự phạm kỹ thuật Vinh (SPKT Vinh) nói riêng là hoạt động cần thiết, cấp bách cần triển khai thực hiện trong giai đoạn hiện nay. Bài viết này đề xuất một số giải pháp thực hiện công tác bồi dưỡng NLSP cho đội ngũ GVT nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục và đào tạo tại Trường ĐH SPKT Vinh đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Một số khái niệm liên quan

##### 2.1.1. Năng lực sự phạm

Theo tác giả Phạm Minh Hạc thì “*năng lực sự phạm*” là tổ hợp những đặc tính tâm lý của nhân cách nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động sự phạm và quyết định sự thành công của hoạt động ấy” và “*năng lực sự phạm* tựa như là hình chiếu của hoạt động sự phạm”.

Các nhà nghiên cứu giáo dục trên thế giới cũng như ở Việt Nam đều cho rằng, NLSP là

một thành phần quan trọng trong năng lực của GV, là điều kiện, yêu cầu cần thiết, cơ bản để quá trình dạy học, giáo dục đạt hiệu quả cao.

Điểm khác biệt của NLSP với các loại năng lực khác biểu hiện ở các yếu tố cấu trúc thành NLSP, đó là sự đan xen, quan hệ khăng khít giữa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo sự phạm với hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức, nghề nghiệp sự phạm và khả năng tư duy sự phạm phát triển cao.

NLSP là một thành tố tạo nên nhân cách của người GV. Nó có cấu trúc gồm: năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực tổ chức

##### 2.1.2. Bồi dưỡng NLSP cho GVT

“*Bồi dưỡng NLSP cho GVT*” là quá trình tác động thường xuyên, liên tục của lực lượng sự phạm vào đối tượng GVT nhằm trang bị, bổ sung, hoàn thiện những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn- nghiệp vụ hoạt động sự phạm giúp họ phát triển nghề nghiệp để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của ngành cũng như nhà trường đã giao.

Bồi dưỡng NLSP cho GV nói chung, đội ngũ GVT tại Trường ĐH SPKT Vinh nói riêng là một hoạt động quan trọng, có ý nghĩa thiết thực nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục thời đại CN 4.0. Để NLSP của đội ngũ này được hình thành, phát triển vững chắc cần có quá trình tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, khoa học bằng nhiều con

\* ThS. Trường ĐH sự phạm Kỹ thuật Vinh

đường, cách thức, biện pháp khác nhau nhằm tác động vào nhận thức và hành động của mỗi GV.

## **2.2. Thực trạng NLSP của đội ngũ GVT ở Trường ĐH SPKT Vinh**

Đội ngũ GVT của trường có năng lực giảng dạy đạt yêu cầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được giao; không có trường hợp GV không hoàn thành nhiệm vụ do hạn chế về năng lực giảng dạy. Tuy nhiên, năng lực giảng dạy ở bậc sau đại học còn hạn chế do tỷ lệ GV nhà trường có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ ở mức thấp.

Qua tìm hiểu, cho thấy, phần lớn GVT của Trường ĐH SPKT Vinh có năng lực chế biến tài liệu, năng lực thiết kế nội dung dạy học, có tri thức và tầm hiểu biết rộng. Tuy nhiên, do tuổi đời cũng như tuổi nghề còn trẻ nên kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại vào bài giảng của nhiều GV còn lúng túng, chưa biết khai thác, phát huy hết lợi thế của các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực. Vì vậy, khi lên lớp, phương pháp dạy học của họ còn đơn điệu, chủ yếu vẫn dùng nhiều phương pháp thuyết trình, đàm thoại để truyền đạt tri thức cho SV khiến cho giờ học kém sinh động, thiếu sự tương tác giữa người dạy và người học. Nhiều GV chưa biết đặt vị trí của mình vào SV mà lại đặt SV vào vị trí của GV nên không hiểu hết được nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng của người học, để đưa ra được yêu cầu dạy học đảm bảo tính vừa sức, tính khả thi.

Tóm lại, NLSP của đội ngũ GVT ở Trường ĐH SPKT Vinh về cơ bản được đánh giá là ở mức khá, tương đối đồng đều ở cả nam và nữ. Tuy nhiên một số NLSP như phương pháp dạy học còn nặng về trình chiếu, thuyết trình, xem nhẹ ý tưởng, ý đồ sư phạm, thiếu sức cuốn hút, thiếu sự liên hệ sâu sắc giữa giờ giảng với thực tiễn nghề nghiệp và không truyền cảm hứng sáng tạo đến người học. Vì vậy thường xuyên tổ chức bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ GVT là hoạt động cần thiết hiện nay tại Trường ĐH SPKT Vinh.

## **2.3. Những năng lực sư phạm cần bồi dưỡng cho đội ngũ GVT Trường ĐH SPKT Vinh**

### **2.3.1. Năng lực ngôn ngữ**

Năng lực ngôn ngữ là năng lực biểu đạt rõ ràng và mạch lạc ý nghĩ và tình cảm của mình bằng lời nói cũng như nét mặt và điệu bộ.

Nó là một trong những năng lực quan trọng của người GV. Nó là công cụ sống còn đảm bảo cho người GV thực hiện chức năng dạy học và giáo dục của mình. Năng lực ngôn ngữ của người GV thường được biểu hiện cả ở nội dung và hình thức của nó, vì thế yêu cầu về ngôn ngữ của thầy giáo là phải sâu sắc về nội dung, giản dị về hình thức.

### **2.3.2. Năng lực thiết kế bài giảng**

Đó là năng lực gia công về mặt sư phạm của GV đối với tài liệu học tập nhằm làm cho nó phù hợp tối đa với đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm cá nhân SV, trình độ, kinh nghiệm của SV và đảm bảo logic sư phạm.

Muốn làm được điều đó trước hết đòi hỏi người thầy giáo phải biết đánh giá đúng đắn tài liệu. Việc đánh giá đúng đắn tài liệu chính là xác lập được mối quan hệ giữa yêu cầu kiến thức của chương trình với trình độ nhận thức của SV. Người GV có năng lực chính là người biết tính và xác lập được đúng đắn mối quan hệ nói trên, làm sao vừa đảm bảo được yêu cầu chung về kiến thức của chương trình, vừa là cho tài liệu đó vừa sức tiếp thu với SV.

Trên cơ sở đánh giá đúng đắn tài liệu, người GV phải biết chế biến, gia công tài liệu nhằm làm cho nó vừa đảm bảo logic của sự phát triển khoa học, vừa phù hợp với logic sư phạm, lại thích hợp với trình độ nhận thức của SV. Trong cơ chế dạy học trên quan điểm hoạt động, người GV không phải làm việc vận chuyển tài liệu từ sách giáo khoa đến SV, mà chủ yếu tổ chức cho SV giành lại được tri thức khoa học đã được gửi gắm trong giáo trình, truyền được sức sống của kiến thức, làm cho kiến thức đó có ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc sống của họ. Vì vậy, người GV ngoài việc nắm được logic phát triển của tri thức, hiểu thấu đáo, chính xác tài liệu, còn phải biết chế biến, nhào nặn, biết bổ sung tài liệu đó bằng những điều lấy từ sách vở, những điều quan sát và thu thập từ cuộc sống.

### **2.3.3. Năng lực giao tiếp sư phạm**

Giao tiếp là một thành phần cơ bản của hoạt động sư phạm. Những hình thức chủ yếu của công tác giáo dục và học tập diễn ra trong điều kiện giao tiếp như: giảng bài, phụ đạo, thi cử, công tác cá biệt, lao động, vui chơi... Không có giao tiếp thì hoạt động của GV và SV không thể diễn ra. Vì vậy, người GV cũng phải có năng lực giao tiếp sư phạm.

Đó là năng lực nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những diễn biến tâm lý bên trong của SV và bản thân, đồng thời biết sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều chỉnh quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích giáo dục.

#### 2.3.4. Năng lực đánh giá người học

Năng lực đánh giá giúp cho GV nắm được trình độ và khả năng tiếp thu bài của SV để xác nhận kết quả của một hoạt động để bổ sung, điều chỉnh quá trình dạy học.

Để tạo được uy tín trước người học, GV phải có quan điểm đánh giá khách quan, chính xác và công bằng.

Khả năng đánh giá đúng của GV sẽ tác động mạnh mẽ đến kết quả tự học, kết quả rèn luyện ý thức, đạo đức của người học.

#### 2.3.5. Năng lực cảm hóa người học

Muốn hiểu được đối tượng giáo dục của mình, muốn các tác động sư phạm của mình có ý nghĩa đến sự hình thành nhân cách của trẻ, trong hệ thống các năng lực sư phạm không thể vắng mặt năng lực “cảm hoá” học sinh. Đó là năng lực gây được ảnh hưởng trực tiếp của mình đến với người học về mặt tình cảm và ý chí. Nói một cách khác, đó là khả năng làm cho người học nghe, tin và làm theo mình bằng tình cảm, bằng niềm tin.

### 2.4. Một số biện pháp bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ GVT Trường ĐHSPTK Vinh

*\* Trước hết, cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ GVT về vai trò, tầm quan trọng của NLSP đối với hoạt động giảng dạy của mình*

Lý luận cũng như thực tiễn giáo dục đã chứng minh NLSP có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định tới chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy và học ở nhà trường nói chung, ở trường đại học

nói riêng. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ GVT để họ có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của chính mình.

*Thứ hai, mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV.* Bồi dưỡng NLSP cho GVT trong cơ sở GDĐH là một biện pháp rất quan trọng. Qua khóa học này GVT được trang bị kiến thức cơ bản về khoa học GDĐH; vai trò và sứ mệnh của GDĐH, những xu hướng phát triển của GDĐH hiện đại; kiến thức cơ bản về tâm lý học dạy học, đặc điểm tâm lý người học, lý luận và phương pháp, kỹ năng dạy học đại học; phương pháp cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV; hình thành và rèn luyện một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng xây dựng đề cương chi tiết môn học và soạn thảo các bài giảng cụ thể; kỹ năng sư phạm cơ bản về phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV, phương pháp dạy học, phát triển chương trình GDĐH, cách sử dụng các phương tiện kỹ thuật tiên tiến vào dạy học; kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá quá trình dạy học; kỹ năng đọc, viết, trình diễn và giao tiếp trong quá trình dạy học....

*Thứ ba, khuyến khích, động viên GV tích cực tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài trường.* Thông qua hội nghị, hội thảo khoa học năng lực chuyên môn và NLSP của GV trẻ được nâng cao, vì thế cần phải khuyến khích, động viên họ tích cực tham gia và coi đó như là một biện pháp để nâng cao NLSP.

*Thứ tư, tổ chức hội giảng cấp khoa và tổ chức cuộc thi GV dạy giỏi cấp trường theo định kỳ.* Đây cũng được coi là biện pháp rèn luyện NLSP cho GVT, tạo điều kiện và khuyến khích GV đổi mới PPDH. Hoạt động này được ban Giám hiệu Trường ĐH SPKT Vinh rất quan tâm và chú trọng được tổ chức định kỳ 3 năm một lần, xem đây như là ngày hội trong toàn trường; GV và SV tham gia rất tích cực và hào hứng.

*Thứ năm, GV tự giác đăng ký nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu khoa học trong năm học.* Theo định mức mỗi GV một năm phải hoàn thành 180 giờ NCKH và công nghệ. Căn cứ vào điều kiện và khả năng mỗi GV tự nguyện đăng ký nhiệm vụ hoạt động NCKH và Công nghệ trong năm học. Nếu hoàn thành vượt trội được khen, không

hoàn thành sẽ chuyển sang giờ dạy. Để hoàn thành nhiệm vụ NCKH và công nghệ, GVT có thể làm các công việc sau đây để qui đổi về giờ NCKH: làm đề tài NCKH, viết tài liệu giảng dạy, sáng kiến kinh nghiệm, bài báo khoa học gửi các tạp chí khoa học, hội thảo khoa học, tập san, nội san trong và ngoài trường.

**3. Kết luận**

Việc bồi dưỡng NLSP là việc làm mang tính cấp thiết và được nhà trường hết sức quan tâm. Qua tìm hiểu và nghiên cứu cho thấy thực trạng NLSP của đội ngũ GVT Trường ĐH SPKT Vinh đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và giáo dục. Tuy nhiên, để có năng lực NLSP thực sự vững vàng thì NLSP phải được rèn luyện, bồi dưỡng thường xuyên thông qua một số biện pháp như chúng tôi đã trình bày ở trên. Trong quá trình triển khai các biện pháp cần thực hiện một cách đồng bộ, song còn tùy thuộc vào từng điều kiện cho phép của mỗi giai đoạn phát triển của nhà trường mà xác định biện pháp nào là cấp thiết cần được ưu tiên.

**Tài liệu tham khảo**

[1]. Nguyễn Thị Kim Dung (2017). *Phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ GV trẻ theo hình thức học tập tại chỗ thông qua mạng Internet*. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo – Đại học Huế, 18/3/2017, Tr 78-86.

[2] Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Việt Cường (2009). *Năng lực sư phạm của người GV*. Tạp chí Giáo dục, số 211, Tr 11-12.

[3] Nguyễn Văn Thành, Lê Việt Vinh (2019). *Năng lực sư phạm cần có của GV môn Giáo dục thể chất trong trường phổ thông hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 456, Tr 47-49.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở GDĐH*. Hà Nội.

**NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC ONLINE CHƯƠNG... (tiếp theo trang 57)**

|         |  |
|---------|--|
| Tự điện | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức trò chơi Ghép hình để kiểm tra bài cũ. Đặt vấn đề: “Tự điện là gì?” kèm theo hình ảnh về tự điện, thí nghiệm mô phỏng oPhysics về tự điện.</li> <li>- Tiến hành thảo luận nhóm thông qua nghiên cứu tài liệu, internet, SGK. Các nhóm trình bày để trả lời các câu hỏi của GV, nhận xét các nhóm khác. Mở rộng kiến thức tìm hiểu ứng dụng tự điện trong các dụng cụ gia đình và trong cuộc sống.</li> <li>- GV kết luận kiến thức. Cho HS củng cố kiến thức bằng trò chơi Vượt chướng ngại vật. Giao nhiệm vụ về nhà: giải quyết bài tập định lượng, định tính, vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại kiến thức nộp trên Padlet, tìm hiểu thêm các ứng dụng của tự điện trong cuộc sống.</li> </ul> |
|---------|--|

**3. Kết luận:** Khi dạy học online GV sẽ có các phương pháp khác nhau để HS lĩnh hội được kiến thức, trau dồi vốn hiểu biết và rèn luyện, phát huy năng lực phẩm chất sẵn có. Đồng thời, GV cần tạo không khí lớp học thoải mái và giúp HS liên hệ được các kiến thức Vật lý vào thực tiễn. Bên cạnh đó, HS cũng cần tự tạo cho mình ý thức tự học của bản thân để phát huy được khả năng độc lập, sáng tạo trong học tập.

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Vật lý* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Hồ Thị Loan - Nguyễn Thị Hồng Phượng (2019). *Một số biện pháp phát triển năng lực tự học cho học sinh ở trường phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, Số 463 (Kì 1 - 10/2019) trang 21-24.

3. Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà (2020). *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.

**Tài liệu tham khảo**